

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ THỐNG KÊ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quảng Bình, ngày 22 tháng 01 năm 2025

Số: 16 /TTUDDTK
V/v báo cáo thống kê
ngành khoa học và công nghệ

Kính gửi: Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia

Thực hiện Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ,

Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN thuộc sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình là đơn vị thực hiện chức năng thống kê KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, đã thu thập thông tin và thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ năm 2024 gửi Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia (Biểu mẫu số liệu kèm theo và số liệu thống kê đã được cập nhật trên website: <http://thongke.vista.gov.vn>).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 01/KHCN-TC

Ban hành kèm theo Thông
tư số 15/2018/TT-BKHCN
ngày 15 tháng 11 năm 2018
Ngày nhận báo cáo: Ngày
15/02 năm 2025

**SỐ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

(Có đến ngày 31/12 năm 2024)

- Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Bình

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&CN
quốc gia

Đơn vị tính: Tổ chức

	Mã số	Tổng số	Chia theo loại hình kinh tế			
			Nhà nước		Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
			Trung ương	Địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
1. Tổng số <i>(trong đó:</i>	01	16		16		
1.1. Chia theo thẩm quyền thành lập						
- Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội	02					
- Chính phủ	03	1		1		
- Tòa án nhân dân tối cao	04					
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	05					
- Thủ tướng Chính phủ	06					
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	07					
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	08	13		13		
- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghiệp	09	1		1		
- Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân	10	1		1		
1.2. Chia theo loại hình tổ chức						
- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	11	8		8		
- Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng:	12	5		5		
+ Trường đại học	13	1		1		
+ Học viện	14					

+ Đại học quốc gia, đại học vùng	15				
+ Viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ	16				
+ Trường cao đẳng	17	4		4	
- Tổ chức dịch vụ KH&CN:	18	3		3	
+ DV thông tin, thư viện	19				
+ DV bảo tàng KH&CN	20				
+ DV dịch thuật, biên tập, xuất bản KH&CN	21				
+ DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên	22				
+ DV thông kê, điều tra xã hội	23				
+ DV tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa	24	3		3	
+ DV tư vấn về KH&CN	25				
+ DV sở hữu trí tuệ	26				
+ DV năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	27				
+ DV chuyển giao công nghệ	28				
+ DV KH&CN khác	29				
1.3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ					
- Khoa học tự nhiên	30				
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	31	10		10	
- Khoa học y, dược	32	1		1	
- Khoa học nông nghiệp	33	2		2	
- Khoa học xã hội	34	3		3	
- Khoa học nhân văn	35				

Quảng Bình, ngày 22 tháng 1 năm 2025

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Trần Thị Ánh Hồng



Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 02/KHCN-NL

Ban hành kèm theo Thông
tư số 15/2018/TT-BKHCN
ngày 15 tháng 11 năm 2018
Ngày nhận báo cáo: Ngày
15/02 năm 2025

**SỐ NGƯỜI TRONG CÁC TỔ CHỨC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
(Có đến ngày 31/12 năm 2024)

- Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng
Bình
- Đơn vị nhận báo
cáo:

Cục Thông tin
KH&CN quốc gia

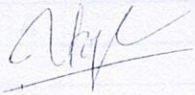
Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn					Chức danh	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Khác	Giáo sư	Phó Giáo sư
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Tổng số	01	774	58	293	328	45	50		2
Trong đó: Nữ	02	378	24	168	161	6	19		
2. Chia theo loại hình tổ chức									
- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	03	93		34	51		8		
+ Nữ	04	18		5	13				
+ Dân tộc thiểu số	05								
- Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng	06	511	57	224	178	25	27		2
+ Nữ	07	280	24	142	100	2	12		
+ Dân tộc thiểu số	08								
- Tổ chức dịch vụ KH&CN	09	170	1	35	99	20	15		
+ Nữ	10	80		21	48	4	7		
+ Dân tộc thiểu số	11								
3. Chia theo quốc tịch									
- Người Việt Nam	12	774	58	293	328	45	50		2
+ Dân tộc Kinh	13	774	58	293	328	45	50		2
+ Dân tộc thiểu số	14								
- Người nước ngoài	15								
4. Chia theo lĩnh vực đào tạo									
- Khoa học tự nhiên	16	45	19	16			10		2
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	17	359	7	138	169	25	20		
- Khoa học y, dược	18	4				3	1		
- Khoa học nông nghiệp	19	115	9	39	43	14	10		
- Khoa học xã hội	20	127	14	57	56				
- Khoa học nhân văn	21	59	9	30	18	2			
- Khác	22	65		13	42	1	9		

5. Chia theo độ tuổi									
- Đến 35 tuổi	23	206	2	73	103	10	18		
- Từ 36-55 tuổi	24	536	53	214	218	30	21		1
- Từ 56-60 tuổi	25	22	3	6	2	4	7		1
- Từ 61-65 tuổi	26	2			1	1			
- Trên 65 tuổi	27	8			4		4		

Quảng Bình, ngày 22 tháng 1 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Hồng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 03/KHCN-CP

Ban hành kèm theo Thông
tư số 15/2018/TT-BKH
CN ngày 15 tháng 11 năm 2018
Ngày nhận báo cáo: Ngày
15/02 năm 2025

**CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ**
(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm
2024)

- Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Bình
- Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thông tin KH&CN
quốc gia

Đơn vị tính: Triệu đồng

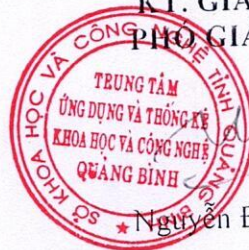
	Mã số	Tổng số	Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Ngân sách nhà nước		Nguồn trong nước ngoài ngân sách nhà nước	Nguồn Nước ngoài
			Trung ương	Địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
Tổng chi trong đó:	01	44335	5680	38496	159	
1. Chi đầu tư phát triển KH&CN	02	10313		10313		
2. Chi sự nghiệp KH&CN	03	33980	5680	28183	117	
2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	04	8827		8827		
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	05	24336	5680	18656		
- Cấp quốc gia	06					
- Cấp bộ	07					
- Cấp tỉnh	08	23741	5680	18061		
- Cấp cơ sở	09	595		595		
2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	10	817		700	117	
3. Chi khác cho KH&CN	11	42			42	

Quảng Bình, ngày 22 tháng 1 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người lập biểu

Trần Thị Ánh Hồng



Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 04/KHCN-NV

Ban hành kèm theo Thông
 tư số 15/2018/TT-BKHCN
 ngày 15 tháng 11 năm 2018
 Ngày nhận báo cáo: Ngày
 15/02 năm 2025

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm
 2024)

- Đơn vị báo cáo:
 Sở KH&CN Quảng Bình
 - Đơn vị nhận báo cáo:
 Cục Thông tin KH&CN
 quốc gia

Đơn vị tính: Nhiệm vụ

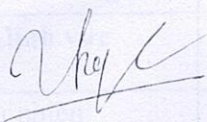
	Mã số	Tổng số	Trong đó: Số nhiệm vụ KH&CN chủ nhiệm là nữ	Tình trạng tiến hành			
				Số đang tiến hành		Số được nghiệm thu	Số đã đưa vào ứng dụng
				Số phê duyệt mới trong năm	Số chuyển tiếp từ năm trước		
A	B	1	2	3	4	5	6
1. Tổng số nhiệm vụ KH&CN	01	61		32	29	21	21
- Số đề tài/đề án KH&CN	02	61		32	29	21	21
- Số dự án KH&CN	03						
2. Chia theo cấp quản lý							
- Cấp quốc gia	04	1	1		1		
- Cấp bộ	05	1	1		1		
- Cấp tỉnh	06	22	3	13	9	2	2
- Cấp cơ sở	07	37	11	19	18	19	19
3. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu							
- Khoa học tự nhiên	09	5		4	1	1	1
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	10	17	2	13	4	9	3
- Khoa học y, dược	11						
- Khoa học nông nghiệp	12	6	3	1	5	2	2
- Khoa học xã hội	13	21	6	14	7	13	12
- Khoa học nhân văn	14	12	5		12	3	3
4. Chia theo mục tiêu kinh tế-xã hội							
- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác trái đất, khí quyển	15	1			1	1	1
- Phát triển cơ sở hạ tầng và quy hoạch sử dụng đất	16	1			1		
- Phát triển sản xuất và công nghệ nông nghiệp	17	7	1	2	5	3	3

- Phát triển sản xuất và công nghệ công nghiệp	18	3	1	1	2		
- Phát triển, phân phối và sử dụng hợp lý năng lượng	19						
- Phát triển y tế và bảo vệ sức khỏe con người	20						
- Phát triển giáo dục và đào tạo	21	35	14	21	14	14	14
- Phát triển và bảo vệ môi trường	22	2		1	1		
- Phát triển xã hội và dịch vụ	23	12		7	5	3	3
- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác vũ trụ	24						
- Nghiên cứu do các trường đại học cấp kinh phí	25						
- Nghiên cứu không định hướng ứng dụng	26						
- Nghiên cứu dân sự khác	27						
- Bảo đảm an ninh, quốc phòng	28						

Quảng Bình, ngày 22 tháng 1 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Hồng



Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 05/KHCN-HTQT

Ban hành kèm theo Thông
 tư số 15/2018/TT-BKHCN
 ngày 15 tháng 11 năm 2018
 Ngày nhận báo cáo: Ngày
 15/02 năm 2025

**HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA
 HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm
 2024)

- Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Bình

- Đơn vị nhận báo cáo:

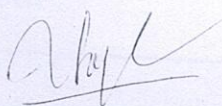
Cục Thông tin KH&CN
 quốc gia

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Tổng kinh phí (triệu đồng)
A	B	C	1	2
1. Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN	01	Nhiệm vụ	0	0
1.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu				
- Khoa học tự nhiên	02	Nhiệm vụ		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	03	Nhiệm vụ		
- Khoa học y, dược	04	Nhiệm vụ		
- Khoa học nông nghiệp	05	Nhiệm vụ		
- Khoa học xã hội	06	Nhiệm vụ		
- Khoa học nhân văn	07	Nhiệm vụ		
1.2. Chia theo hình thức hợp tác				
- Đa phương	08	Nhiệm vụ		
- Song phương	09	Nhiệm vụ		
1.3. Chia theo đối tác quốc tế				
- Nước/tổ chức ...	10	Nhiệm vụ		
1.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí				
- Trong nước	12	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	13	Triệu đồng	X	
1.5. Chia theo cấp quản lý				
- Cấp quốc gia	15	Nhiệm vụ		
- Cấp bộ	16	Nhiệm vụ		
- Cấp tỉnh	17	Nhiệm vụ		
- Cấp cơ sở	18	Nhiệm vụ		
2. Số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN được ký kết	19	Điều ước/thỏa thuận		
2.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu				
- Khoa học tự nhiên	20	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	21	Điều ước/thỏa thuận		

- Khoa học y, dược	22	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học nông nghiệp	23	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học xã hội	24	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học nhân văn	25	Điều ước/thỏa thuận		
2.2. Chia theo đối tác quốc tế				
- Nước/tổ chức ...	26	Điều ước/thỏa thuận		
3. Số đoàn ra về KH&CN				
3.1. Chia theo nước đến nghiên cứu				
- ...	29	Đoàn		X
- ...	29	Đoàn		X
- ...	29	Đoàn		X
3.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện				
- Trong nước	31	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	32	Triệu đồng	X	
4. Số đoàn vào về KH&CN				
4.1. Chia theo nước cử đến nghiên cứu				
- ...	34	Đoàn		X
- ...	34	Đoàn		X
- ...	34	Đoàn		X
4.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện				
- Trong nước	36	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	37	Triệu đồng	X	

Quảng Bình, ngày 22 tháng 1 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Hồng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 06/KHCN-CG

Ban hành kèm theo Thông
tư số 15/2018/TT-BKHCN
ngày 15 tháng 11 năm 2018
Ngày nhận báo cáo: Ngày
15/02 năm 2025

CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm
2024)

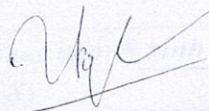
- Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Bình
- Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thông tin KH&CN
quốc gia

A	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số
	B	C	1
1. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký	01	Hợp đồng	2
2. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp phép	02	Hợp đồng	
3. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	03	Hợp đồng	1
3.1. Chia theo ngành kinh tế (*)			
XÂY DỰNG	04	Hợp đồng	1
3.2. Chia theo loại hình kinh tế			
- Nhà nước	06	Hợp đồng	1
- Ngoài nhà nước	07	Hợp đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	08	Hợp đồng	
3.3. Chia theo hình thức chuyển giao			
- Chuyển giao công nghệ độc lập	09	Hợp đồng	
- Phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư	10	Hợp đồng	
- Góp vốn bằng công nghệ/nhượng quyền thương mại/chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ/mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	11	Hợp đồng	
- Hình thức khác	12	Hợp đồng	
4. Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	13	Triệu đồng	650
4.1. Chia theo ngành kinh tế			
XÂY DỰNG	14	Triệu đồng	650
4.2. Chia theo loại hình kinh tế			
- Nhà nước	16	Triệu đồng	1
- Ngoài nhà nước	17	Triệu đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	18	Triệu đồng	
4.3. Chia theo hình thức chuyển giao			
- Chuyển giao công nghệ độc lập	19	Triệu đồng	
- Phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư	20	Triệu đồng	

- Góp vốn bằng công nghệ/nhượng quyền thương mại/chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ/mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	21	Triệu đồng	
- Hình thức khác	22	Triệu đồng	
4.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí			
- Nhà nước	23	Triệu đồng	1
- Ngoài nhà nước	24	Triệu đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	25	Triệu đồng	
5. Số dự án đầu tư được thẩm định công nghệ	26	Dự án	13
5.1. Chia theo ngành kinh tế			
A	27	Dự án	2
C	27	Dự án	8
D	27	Dự án	1
E	27	Dự án	2
-	27	Dự án	
5.2. Chia theo loại hình kinh tế			
- Nhà nước	29	Dự án	1
- Ngoài nhà nước	30	Dự án	13
- Có vốn đầu tư nước ngoài	31	Dự án	
5.3. Chia theo nước đầu tư			
Việt Nam	32	Dự án	13
-	32	Dự án	

* Ghi theo cấp 1 của bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Hồng

Quảng Bình, ngày 22 tháng 1 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 07/KHCN-DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018
 Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm 2025

DOANH NGHIỆP VÀ THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Có đến ngày 31/12 năm 2024)

- Đơn vị báo cáo: Sở KH&CN Quảng Bình
 - Đơn vị nhận báo cáo: Cục Thông tin KH&CN quốc gia

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Loại hình kinh tế		
				Nhà nước	Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh nghiệp KH&CN						
1.1. Số doanh nghiệp KH&CN đang hoạt động	01	Doanh nghiệp				
Trong đó: Được cấp Giấy chứng nhận trong năm	02	Doanh nghiệp				
1.2. Chia theo ngành kinh tế (*)						
-...	03	Doanh nghiệp				
1.3 Số doanh nghiệp KH&CN giải thể/ngừng hoạt động/bị thu hồi Giấy chứng nhận	05	Doanh nghiệp				
1.4. Chia theo hình thức thành lập						
- Thành lập mới	06	Doanh nghiệp				
- Chuyển đổi từ các tổ chức KH&CN	07	Doanh nghiệp				
- Chuyển đổi từ doanh nghiệp	08	Doanh nghiệp				
2. Số tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	09	Tổ chức				
<i>Chia theo loại hình tổ chức</i>						
- Sàn giao dịch công nghệ	10	Tổ chức				
- Trung tâm giao dịch công nghệ	11	Tổ chức				
- Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ	12	Tổ chức				
- Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	13	Tổ chức				

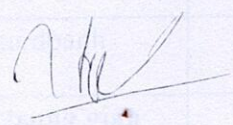
- Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	14	Tổ chức			
- Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	15	Tổ chức			
- Tổ chức khác	16	Tổ chức			
3. Giá trị giao dịch của thị trường KH&CN					
- Trong nước	17	Triệu đồng			
- Ngoài nước	18	Triệu đồng			
3.1. Chia theo ngành kinh tế (*)					
-	19	Triệu đồng			
3.2. Chia theo nước/vùng lãnh thổ					
-	21	Triệu đồng			
3.3. Chia theo hình thức					
- Xuất khẩu	23	Triệu đồng			
Trong đó: Công nghệ cao	24	Triệu đồng			
- Nhập khẩu	25	Triệu đồng			
Trong đó: Công nghệ cao	26	Triệu đồng			

* Ghi theo cấp 1 của bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

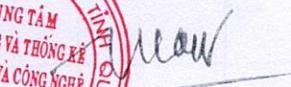
Quảng Bình, ngày 22 tháng 01 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Hồng

Nguyễn Đăng Tuấn

Biểu 10/KHCN-NLAT
Ban hành kèm theo Thông
tư số 15/2018/TT-BKHCN
ngày 15 tháng 11 năm 2018
Ngày nhận báo cáo: Ngày
15/02 năm 2025

**NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN
TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**
(Có đến ngày 31/12 năm 2024)

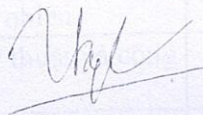
- Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng
Bình
- Đơn vị nhận báo
cáo:
Cục Thông tin
KH&CN quốc gia

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng cộng	Chia theo loại hình kinh tế		
				Nhà nước	Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
A	B	C	1	2	3	4
1. Số người hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử	01	Người	208	100	108	
1.1. Trong đó: Nữ	02	Người	25	19	6	
1.2. Chia theo lĩnh vực KH&CN						
- Khoa học tự nhiên	03	Người				
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	04	Người	54	5	49	
- Khoa học nông nghiệp	05	Người				
- Khoa học xã hội	06	Người				
- Khoa học y, dược	07	Người	154	95	59	
- Khoa học nhân văn	08	Người				
- Khác	09	Người				
1.3. Chia theo trình độ chuyên môn						
- Tiến sĩ	10	Người				
- Thạc sĩ	11	Người	11	8	3	
- Đại học	12	Người	174	84	90	
- Khác	13	Người	23	8	15	
1.4. Chia theo lĩnh vực hoạt động						
- Quản lý nhà nước	14	Người	5	5		
- Nghiên cứu, giảng dạy	15	Người				
- Ứng dụng, dịch vụ,...	16	Người	203	95	108	
1.5. Chia theo lĩnh vực ứng dụng						
- Y tế	17	Người	154	95	59	
- Công nghiệp và các ngành kinh tế kỹ thuật	18	Người	54	5	49	
- Nông nghiệp	19	Người				

- Tài nguyên và môi trường	20	Người				
- Khác	21	Người				
2. Số tổ chức tiến hành công việc bức xạ	22	Tổ chức	56	17	39	
3. Số cá nhân tiến hành công việc bức xạ	23	Người				
4. Số nhân viên bức xạ	24	Người	208	100	108	
trong đó: Nữ	25	Người	25	19	6	
5. Số thiết bị bức xạ	26	Thiết bị	125	60	65	
6. Số nguồn phóng xạ	27	Nguồn	7	3	4	
7. Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ được cấp	28	Giấy phép	35	23	12	

Quảng Bình, ngày 29 tháng 1 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Hồng



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Đăng Tuấn